

Bản án số: 106/2024/HS-ST
Ngày 24-5-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Thẩm phán: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Tuấn

Bà Cao Thị Hạ

Ông Đỗ Trọng Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phúc Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1977, tại: Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố số H, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn V, xã A, huyện A, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H; có vợ Nguyễn Thị H1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 215/2009/HSST ngày 20/11/2008, Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 07/4/2023 đến ngày 13/4/2023 chuyển tạm giam;

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hoàng Thị H2 - Luật sư Văn phòng L1 và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt;

- **Bị hại:**

+ Chị Lê Thị K, sinh năm 1988, nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện V, Hải Phòng; có mặt;

+ Bà Bùi Thị R, sinh năm 1961, nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện V, Hải Phòng; có mặt;

+ Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1960, nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện G, Hải Dương, có mặt;

+ Anh Nguyễn Văn K1, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện G, Hải Dương, có mặt;

+ Bà Phạm Minh N, sinh năm 1967, nơi cư trú: Số I U18 ngõ H L, phường L, quận L, Hải Phòng; có mặt;

+ Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1959, nơi cư trú: Số I U18 ngõ H L, phường L, quận L, Hải Phòng; có mặt;

+ Anh Phạm Thế A, sinh năm 1977, nơi cư trú: Xóm Mới, xã H, huyện A, Hải Phòng; vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phùng Thị H3, sinh năm 1975, nơi cư trú: Số A phường X, quận B, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982, nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường N, quận Đ, Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Nguyễn Văn Đ có quen biết và có quan hệ tình cảm với chị Lê Thị K, trú tại thôn V, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng. Để tạo lòng tin với chị K và gia đình chị K, Đ mua 01 bộ quần, áo trang phục lực lượng Công an nhân dân, mang quân hàm “Thượng tá”, số hiệu, biển hiệu chức danh Phó trưởng phòng và giới thiệu với chị K đã ly hôn vợ và là Phó phòng Cảnh sát hình sự, Công an thành phố H, trợ lý giúp việc cho Giám đốc Vũ Thanh C1. Chị K đã tin tưởng và chung sống như vợ chồng với Đ và có 01 con chung sinh năm 2019. Đến năm 2020, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị K và người thân của chị K nên Đ đã đưa ra các thông tin gian dối như có nhiều mối quan hệ với lãnh đạo thành phố, có nhiều hợp đồng, công trình cần tiền để đầu tư sinh lợi nhuận cao cần huy động tiền vốn để đầu tư hứa hẹn sẽ trả lãi cao hơn lãi suất ngân hàng. Chị K và những người thân trong gia đình chị K tin tưởng nhiều lần chuyển tiền cho Đ để đầu tư, kinh doanh. Sau khi nhận được tiền, Đ đã trích một phần để trả lại cho bị hại nói là tiền gốc, lãi nhằm tạo lòng tin để họ tiếp tục giao tiền cho Đ. Cụ thể:

Từ ngày 14/10/2020 đến ngày 11/7/2022, Đ đưa ra các thông tin đầu tư nhập gạo vào bếp ăn của Công an thành phố H, sơn, sửa trụ sở Công an tỉnh T, lo việc cho Đ chuyển công tác, lên chức Phó giám đốc, xây dựng chợ ở Phú Thọ, đầu tư

vào Công ty N1, xây dựng lại chợ cháy ở T, khu sinh thái tại Bắc Giang, đường cao tốc,...Chị K đã 22 lần chuyển tiền vào tài khoản cho Đ số tiền là 8.182.000.000 đồng và chuyển tiền mặt cho Đ là 1.306.000.000 đồng. Tổng số tiền chị K đã chuyển cho Đ là 9.488.000.000 đồng. Số tiền của chị K, Đ đã sử dụng 3.782.000.000 đồng để trả gốc, lãi cho chị K, một phần tiền chuyển cho Phùng Thị H3, sinh năm 1975, nơi cư trú tại số nhà A ngõ B phường X, quận B, thành phố Hà Nội là Phó giám đốc Công ty Cổ phần Đ1 để lấy lãi suất 5%/tháng, phần còn lại Đ ăn tiêu cá nhân hết. Đến nay Đ còn chiếm đoạt của chị K số tiền là 5.706.000.000 đồng,

Từ tháng 8/2019 đến ngày 08/02/2021, Đ đưa ra các thông tin cho bà Bùi Thị R (mẹ đẻ chị K) như mua xe ô tô thanh lý của lực lượng công an, đầu tư vào công ty N1 với lãi suất cao hơn lãi suất ngân hàng để bà R tin tưởng chuyển tiền cho Đ 04 lần với tổng số tiền là 800.000.000 đồng, Đ đã chuyển lại cho bà R là 147.000.000 đồng với lý do là tiền lợi nhuận từ đầu tư. Số tiền còn lại Đ chiếm đoạt của bà R là 653.000.000 đồng.

Ngày 14/10/2021, Đ nói với ông Nguyễn Hữu C (họ hàng nhà chị K) cần tiền để đầu tư vào việc sửa chữa chợ bị cháy ở T có lợi nhuận cao, sau 03 tháng sẽ trả cả lãi và gốc cao hơn lãi suất ngân hàng, ông C đã đưa cho Đ số tiền 400.000.000 đồng. Đến nay Đ chưa trả lại ông C.

Từ ngày 22/11/2021 đến ngày 11/7/2022, Đ nói với anh Nguyễn Văn K1 (chú họ chị K) đầu tư vào cây xăng sẽ có lợi nhuận cao, anh K1 đã chuyển khoản cho Đ 03 lần với tổng số tiền là 900.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền của anh K1, từ tháng 11/2021 đến tháng 8/2022 hàng tháng Đ có chuyển lại cho anh K1 tổng số tiền là 166.000.000 đồng nói dối là tiền được chia lợi nhuận để anh K1 tin tưởng. Với thủ đoạn này Đ đã chiếm đoạt của anh K1 tổng số tiền là 734.000.000 đồng.

Cuối năm 2022, Đ mua nhà về ở tại thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, Đ giới thiệu với vợ, chồng ông Nguyễn Ngọc L và bà Phạm Minh N (là hàng xóm của Đ) Đ là cán bộ Công an công tác tại Phòng tham mưu của Công an thành phố H, trợ lý giúp việc cho đồng chí Giám đốc Công an thành phố, có mối quan hệ họ hàng với đồng chí Nguyễn Đức T, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, có thể giúp cho vợ chồng ông bà N đấu thầu nhà xe tại Trường Đại học H4. Đ yêu cầu ông L, bà N đưa cho Đ số tiền 1.500 USD để làm quà biếu ông T. Ông L, bà N đã đưa số tiền 1500 USD cho Đ. Ngoài ra Đ còn 02 lần vay của vợ chồng ông L với tổng số tiền là 36.000.000 đồng. Số tiền này Đ đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết, chưa trả lại cho vợ chồng ông L.

Khoảng tháng 11/2022, Đ gặp anh Phạm Thế A (là cháu rể ông L) tại nhà của vợ chồng ông L. Đ cũng giới thiệu là cán bộ Công an thành phố H, có thể giúp anh Thế A có được thư tay của Lãnh đạo Công an thành phố H gửi cho Công an các quận, huyện để anh Thế A mua được xe thanh lý trong lực lượng Công an và yêu cầu anh Thế A đưa cho Đ 1.000 USD để làm quà cho Lãnh đạo Công an thành phố. Anh Thế A đã nhờ ông L đưa cho Đ số tiền 1.000 USD để giúp lo việc. Số tiền này Đ cũng chi tiêu cá nhân hết, chưa trả lại cho anh Thế A.

Sau khi chị Lê Thị K phát hiện Nguyễn Văn Đ không phải đang công tác tại lực lượng Công an nhân dân, không đầu tư vào các công trình như đã cam kết nên đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H.

Ngày 07/4/2023, Nguyễn Văn Đ đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H đầu thú.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn Đ tại số nhà E tổ B, ngõ F, thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng thu giữ 01 bộ quần áo trang phục lực lượng An ninh nhân dân (quần áo xuân, hè) không có ve, hàm; 02 thắt lưng da màu nâu, mặt thắt lưng bằng kim loại có chữ “CA”; 01 đôi tất màu xanh lá cây.

Cơ quan Cảnh sát điều tra xác minh tại Công ty N1, địa chỉ: lô G khu N, phường X, quận B, thành phố Hà Nội. Kết quả: Nguyễn Văn Đ không đầu tư vào dự án Điện năng lượng mặt trời. Năm 2020 Phùng Thị H3 có đầu tư vào dự án Điện năng lượng mặt trời với tổng số tiền 500.000.000 đồng. Do công ty G nên đến nay H3 chưa thu hồi được tiền gốc.

Xác minh tại Công ty cổ phần Đ2 và Công ty cổ phần Đ1. Kết quả: Nguyễn Văn Đ không đầu tư vào dự án xây dựng chợ ở Thị trấn H, huyện T, tỉnh Phú Thọ và đầu tư vào Công ty cổ phần Đ1 để xây dựng chợ ở Thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Phùng Thị H3 có đầu tư vào các dự án trên với tổng số tiền là 4.365.000.000 đồng (bao gồm 2.265.000.000 đồng có viết giấy biên nhận và 2.100.000.000 đồng có trong 03 hợp đồng góp vốn). Sau khi thanh lý các khoản đầu tư trên tiền gốc đầu tư và tiền lãi được xác định là 5.115.096.000 đồng. Số tiền này được ông Đỗ Đình C2 (Giám đốc Công ty Đ2) thanh lý cho H3 bằng hợp đồng cho thuê 84 ki ốt tại chợ ở H, Phú Thọ. H3 và ông C2 đều thỏa thuận góp vốn đầu tư sau này khi thanh lý hợp đồng mới thanh toán tiền lãi chứ không trả lãi hàng tháng, số tiền lãi thì tự quy định với nhau.

Tiến hành sao kê, đối chiếu tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn Đ và Phùng Thị H3. Kết quả: Từ tháng 11/2020 đến tháng 10/2022, Phùng Thị H3 đã chuyển tiền lại cho Nguyễn Văn Đ qua ngân hàng T1 với số tiền 1.342.500.000 đồng và M với số tiền 2.847.500.000 đồng, tổng số tiền H3 đã chuyển lại là: 4.190.500.000 đồng. Hiện nay H3 còn nợ Đ số tiền 4.535.500.000 đồng.

Phùng Thị H3 khai: H3 là Phó giám đốc Công ty cổ phần Đ1, địa chỉ tại số nhà I ngách B đường P, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. Khoảng giữa năm 2019, thông qua mối quan hệ xã hội H3 có quen biết với Đ, được Đ giới thiệu là Phó giám đốc Công an thành phố H và có quan hệ tình cảm với Đ. Sau đó Đ nói với H3 hiện đang có tiền muốn đầu tư lấy lãi, Đ thỏa thuận với H3 sẽ chuyển tiền cho H3 để đầu tư, yêu cầu H3 trả lãi là 5%/tháng/số tiền đã chuyển. Việc H3 sử dụng số tiền này vào mục đích gì thì Đ không can thiệp nhưng phải đảm bảo tiền gốc cho Đ. Sau khi nhận tiền từ Đ, H3 đã đầu tư vào một số công trình như Dự án điện năng lượng mặt trời, Dự án xây dựng chợ tại Bắc Giang, Phú Thọ, cho một số cá nhân vay kinh doanh,... Tổng số tiền Đ đã đưa cho H3 là 8.726.000.000 đồng, H3 đã thanh toán tiền gốc và lãi cho Đ là: 4.190.500.000 đồng. Đến nay các khoản H3 đã đầu tư vào Công ty Đ2 và Công ty Đ1 do ông Đỗ Đình C2 (Giám đốc Công ty Đ2) bao gồm tiền gốc đầu tư và tiền lãi là 5.115.096.000 đồng. Số tiền này được ông C2

thanh lý cho H3 bằng hợp đồng cho thuê 84 kiot tại chợ ở H, Phú Thọ. H3 và ông C2 thỏa thuận góp vốn đầu tư sau khi thanh lý hợp đồng mới thanh toán tiền lãi chứ không trả lãi hàng tháng. Ông C2 chưa trả H3 bằng tiền mặt.

Tại Công văn số 562 ngày 03/4/2024 của Ngân hàng N2 – Chi nhánh H5 cung cấp tỷ giá hối đoái tại thời điểm ngày 30/11/2022 là 23.655.000 đồng/USD (Tỷ giá thấp nhất trong tháng).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Ngoài ra Đ khai số tiền chiếm đoạt được của các bị hại, Đ đã sử dụng chuyển cho H3 8.726.000.000 đồng để lấy lãi, mua căn nhà tại thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng với giá 1.470.000.000 đồng (Căn nhà này có 500.000.000 đồng chị K đưa còn lại là tiền H3 trả lãi và Đ đã thế chấp Ngân hàng G1 để vay 800 triệu đồng), số tiền còn lại Đ trả nợ và sử dụng cá nhân hết. Lời khai của Đ phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra.

Vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H đã thu giữ của Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu bạc, đã qua sử dụng; 01 bộ quần áo vải màu xanh (quần áo trang phục lực lượng an ninh nhân dân xuân hè, cúc vàng, không có ve hàm); 02 thắt lưng da màu nâu, mặt thắt lưng bằng kim loại có chữ “CA”; 01 đôi tất màu xanh lá cây, chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng quản lý theo quy định.

Về dân sự: Những người bị hại gồm chị Lê Thị K yêu cầu Đ bồi thường số tiền 5.706.000.000 đồng; ông Nguyễn Hữu C yêu cầu Đ bồi thường số tiền 400.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn K1 yêu cầu Đ bồi thường số tiền 734.000.000 đồng; bà Bùi Thị R yêu cầu Đ bồi thường số tiền 800.000.000 đồng; ông Nguyễn Ngọc L và bà Phạm Minh N yêu cầu Đ bồi thường số tiền 72.255.000 đồng (bao gồm cả tiền cho Đ vay); anh Phạm Thế A yêu cầu Đ bồi thường số tiền 24.170.000 đồng, Hiện Đ chưa bồi thường.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H đã tiến hành phong tỏa tài khoản của Nguyễn Văn Đ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C3-Chi nhánh H6 tại thời điểm phong tỏa tài khoản có 59.120 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 54/CTVKS-P1 ngày 28/02/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố và đề nghị Tòa án xem xét, xử mức án nhẹ để sớm trở về với gia đình.

Các bị hại là chị Lê Thị K, bà Bùi Thị R, ông Nguyễn Hữu C, anh Nguyễn Văn K1, ông Nguyễn Ngọc L và bà Phạm Minh N vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt và đề nghị có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Nguyễn Văn Đ mức án từ 18 đến 19 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu bạc, đã qua sử dụng; tịch thu tiêu hủy: 01 bộ quần áo vải màu xanh (quần áo trang phục lực lượng an ninh nhân dân xuân hè, cúc vàng, không có ve hàm); 02 thắt lưng da màu nâu, mặt thắt lưng bằng kim loại có chữ “CA”; 01 đôi tất màu xanh lá cây.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: Về tội danh và điều luật áp dụng hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố của Đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên căn cứ hoàn cảnh gia đình bị cáo cũng như số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp hơn để bị cáo sớm trở về, đi làm để bồi thường cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và tình tiết định khung:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Từ ngày 14/10/2020 đến tháng 11/2022, Nguyễn Văn Đ dùng thủ đoạn gian dối (giả danh là lãnh đạo Phòng C4, Công an thành phố H để tạo lòng tin với các người bị hại, đưa ra các thông tin gian dối, hứa hẹn trả lãi suất cao hơn lãi suất Ngân hàng kêu gọi đầu tư kinh doanh có lợi nhuận cao...) để chiếm đoạt tài sản của chị Lê Thị K số tiền là 5.706.000.000 đồng; chiếm đoạt của bà Bùi Thị R số tiền là 653.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Nguyễn Hữu C số tiền là 400.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn K1 số tiền là 734.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Nguyễn Ngọc L và bà Phạm Minh N số tiền là 1.500 USD (tương đương

35.497.500 đồng); chiếm đoạt của anh Phạm Thế A 1.000 USD (tương đương 23.665.000 đồng). Tổng số tiền Nguyễn Văn Đ chiếm đoạt của những người bị hại là 7.552.162.500 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự trị an chung. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc để giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, bố bị cáo là thương binh và nhiễm chất độc da cam. Do đó bị hại được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] *Về hình phạt:* Khi quyết định hình phạt cần căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu (đã từng bị xử phạt tù cho hưởng án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), phạm tội nhiều lần, chưa bồi thường cho các bị hại, do đó cần xử phạt bị cáo mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[7] *Về phần bồi thường dân sự:* Tại phiên tòa, bị cáo chấp nhận bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt. Vì vậy, buộc bị cáo bồi thường cho chị Lê Thị K số tiền là 5.706.000.000 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị R số tiền là 653.000.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Hữu C số tiền là 400.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn K1 số tiền là 734.000.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc L và bà Phạm Minh N số tiền là 1.500 USD (quy đổi VND là 35.497.500 đồng); bồi thường cho anh Phạm Thế A 1.000 USD (quy đổi VND là 23.665.000 đồng). Đối với số tiền 36.000.000 đồng, bị cáo vay của ông L và bà N, đây quan hệ dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, ông L và bà N có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[8] Đối với căn nhà tại thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, bị cáo khai mua với giá 1.470.000.000 đồng, nguồn gốc số tiền mua căn nhà có số tiền 500.000.000 đồng chị K chuyển khoản cho bị cáo, còn lại là tiền bà H3 trả lãi. Căn nhà trên mang tên bị cáo Đ và vợ là chị Nguyễn Thị H1 và đã thế chấp cho ngân hàng G1 để vay số tiền 800.000.000 đồng. Hiện tại ngân hàng G1 đang khởi kiện tại

Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn và yêu cầu phát mại đối với căn nhà nêu trên, ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy, căn nhà mặc dù theo bị cáo khai mua bằng 1 phần nguồn tiền do phạm tội mà có nhưng bị cáo còn có nghĩa vụ bồi thường do đó không tịch thu sung ngân sách theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Do căn nhà bị cáo đang thế chấp cho ngân hàng nên không áp dụng biện pháp kê biên tài sản theo quy định tại Điều 128 Bộ luật Tố tụng Hình sự mà giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Quyền lợi của các bị hại xử lý theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[9] Đối với số tiền 4.535.500.000 đồng, bị cáo Đ đã đưa cho Phùng Thị H3, hiện nay H3 vẫn còn nợ Đ. Đây là số tiền Đ phạm tội mà có, tại đơn đề nghị ngày 20/5/2024, H3 có ý kiến sẽ thu xếp trả lại cho Đ để bồi thường cho các bị hại, tại phiên tòa, bị cáo Đ yêu cầu H3 trả lại để hoàn trả cho các bị hại. Do đó, cần buộc Phùng Thị H3 hoàn trả để đảm bảo bồi thường cho các bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 47 bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] *Về xử lý vật chứng*: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu bạc, đã qua sử dụng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; 01 bộ quần áo vải màu xanh (quần áo trang phục lực lượng an ninh nhân dân xuân hè, cúc vàng, không có ve hàm); 02 thắt lưng da màu nâu, mặt thắt lưng bằng kim loại có chữ “CA”; 01 đôi tất màu xanh lá cây là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] *Về các vấn đề khác*: Đối với Phùng Thị H3, sinh năm 1975, nơi cư trú tại số nhà A ngõ B phường X, quận B, thành phố Hà Nội là Phó giám đốc Công ty Cổ phần Đ1, địa chỉ tại số nhà I ngách B đường P, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. Tài liệu điều tra xác định giữa Đ và H3 không có sự bàn bạc với nhau để chiếm đoạt tiền của các bị hại, việc Đ đưa tiền cho H3 để lấy lãi theo thỏa thuận dân sự nên không có căn cứ để xử lý.

[11.1] Nguyễn Văn Đ khai đã thuê người làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa Đ và chị Lê Thị K, tuy nhiên Đ khai đã đốt bỏ tài liệu này, Cơ quan điều tra không thu hồi được để giám định nên không có căn cứ để xử lý.

[11.2] Đối với việc chung sống như vợ chồng của Đ với chị Lê Thị K khi Đ đang tồn tại hôn nhân hợp pháp khác, tuy nhiên hành vi của Đ chưa đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm chế độ một vợ, một chồng, quy định tại Điều 182 Bộ luật hình sự, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[11.3] Đối với hành vi giả mạo là cán bộ, Lãnh đạo trong lực lượng Công an nhân dân của bị can Nguyễn Văn Đ, tuy nhiên do Đ thực hiện hành vi này nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên không có căn cứ để xử lý về tội Giả mạo, chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác, quy định tại Điều 339 Bộ luật hình sự,

[12] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2023.

2. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu bạc, số Imei 355767/078676744, đã qua sử dụng;

Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ quần áo vải màu xanh (quần áo trang phục lực lượng an ninh nhân dân xuân hè, cúc vàng, không có ve hàm); 02 thắt lưng da màu nâu, mặt thắt lưng bằng kim loại có chữ "CA"; 01 đôi tất màu xanh lá cây.

(Đặc điểm chi tiết vật nêu trên thể hiện trong biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 23/4/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

3. *Về phần dân sự*: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; các điều 585; 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại cụ thể: Chị Lê Thị K số tiền là 5.706.000.000 đồng; bà Bùi Thị R số tiền là 653.000.000 đồng; ông Nguyễn Hữu C số tiền là 400.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn K1 số tiền là 734.000.000 đồng; ông Nguyễn Ngọc L và bà Phạm Minh N số tiền là 1.500 USD (quy đổi VND là 35.497.500 đồng); anh Phạm Thế A 1.000 USD (quy đổi VND là 23.665.000 đồng).

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 102870642245 của bị cáo Nguyễn Văn Đ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C3 - Chi nhánh H6 theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 38/LPT-CSHS-Đ7 ngày 29/5/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H (tại thời điểm phong tỏa tài khoản có 59.120 đồng) để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc Phùng Thị H3 nộp số tiền 4.535.500.000 đồng vào Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để đảm bảo bồi thường cho các bị hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 114.818.000 (*một trăm mười bốn triệu, tám trăm mười tám nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, chị Lê Thị K, bà Bùi Thị R, ông Nguyễn Hữu C, anh Nguyễn Văn K1, ông Nguyễn Ngọc L, bà Phạm Minh N, chị Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phạm Thế A, bà Phùng Thị H3 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Trung

